BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
29-07-2026 10:00:45 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 34-CTr/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

---

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Chương trình hành động đề ra những nhiệm vụ, đề án, công trình, dự án quan trọng, có tính chiến lược trong giai đoạn 2026 - 2030, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị; là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước và sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các chủ thể trong xã hội. Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn ra biển lớn; đề cao vai trò trung tâm của Nhân dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

II- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

- Tập trung tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển, đảo; xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là chiến lược phát triển đất nước lâu dài. Nâng cao nhận thức biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Chuyển mạnh từ tư duy khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế biển đơn thuần sang tư duy phát triển toàn diện không gian biển quốc gia; từ quản lý theo ngành sang quản trị không gian biển quốc gia; xây dựng mô hình quản trị biển quốc gia hiện đại, tổng hợp, thống nhất trên cơ sở dữ liệu số và quy hoạch không gian biển.

- Quản trị đồng bộ vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới biển, các đảo, vùng ven biển và vùng trời trên biển, bảo đảm liên kết và điều phối hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương; hài hoà quan hệ giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích địa phương, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, quản trị rủi ro và hoạch định chính sách biển; mở rộng không gian phát triển quốc gia ra biển xa, biển sâu và các không gian biển mới; chủ động tham gia và nâng cao vai trò và ảnh hưởng của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển, đại dương trong khu vực và toàn cầu.

- Chính phủ thống nhất quản lý, giao một cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển; khẩn trương kiện toàn, đổi mới toàn diện cơ chế điều phối liên ngành về biển và đại dương.

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh

- Khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, ổn định, khả thi và có sức cạnh tranh quốc tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về biển, gắn trách nhiệm của cơ quan thực thi với kết quả thực hiện.

- Khẩn trương sửa đổi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; hoàn thiện cơ chế giao, cho thuê, đấu giá, đăng ký, cấp giấy chứng nhận sử dụng, khai thác không gian biển; quy định rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động trên không gian biển, trong đó có quyền chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê lại; khai thác bền vững gắn với bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, vượt trội để phát triển hạ tầng và các ngành, lĩnh vực biển mới, trọng điểm, có tính dẫn dắt, lan toả. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tác động tiêu cực, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển.

- Khẩn trương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối giữa không gian đất liền, biển, vùng trời và các không gian phát triển mới. Hoàn thiện quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển, bảo đảm quy hoạch không gian biển quốc gia là công cụ quản lý tổng hợp và điều phối phát triển không gian biển quốc gia, có tính ràng buộc đối với toàn bộ hệ thống quy hoạch ngành, vùng và địa phương ven biển. Hoạt động lấn biển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch đồng bộ, hiện đại các đảo và vùng ven biển, bảo đảm phát triển bền vững, gắn với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn

- Hoàn thiện cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển quốc gia biển mạnh; đa dạng hoá các hình thức huy động vốn đầu tư; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn, dự án trọng điểm có sức lan toả lớn.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên biển, ven biển.

- Huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển và thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển.

- Phát triển các hình thức hợp tác công tư (PPP), các công cụ tài chính xanh, tài chính biển bền vững; khuyến khích các định chế tài chính tham gia đầu tư phát triển kinh tế biển, nhất là các ngành, lĩnh vực biển mới, nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro thực chất giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh các doanh nghiệp biển giữ vai trò dẫn dắt; khuyến khích thu hút kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hình thành các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành, lĩnh vực biển quan trọng. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia, tham gia sâu vào chuỗi giá trị đại dương toàn cầu.

- Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp trong nước có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò tài nguyên, khoáng sản biển và phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về biển; phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển, đại dương và khai thác biển sâu hiện đại; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo biển quốc gia gắn với doanh nghiệp, viện, trường và các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống viện, trường, cơ sở nghiên cứu hải dương học, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực về biển, đại dương; xác định nhu cầu, mục tiêu và lộ trình phát triển đến năm 2045, đáp ứng yêu cầu làm chủ khoa học, công nghệ và quản trị biển hiện đại.

- Bố trí nguồn lực đầu tư tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng, hoạt động xa bờ, dài ngày, trang thiết bị hiện đại phục vụ điều tra cơ bản, nghiên cứu biển sâu và đại dương.

- Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, mô hình và ngành, lĩnh vực biển mới; nghiên cứu thành lập quỹ đổi mới sáng tạo biển để tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển.

- Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu biển quốc gia, bản đồ số biển và đại dương; phát triển hạ tầng số biển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị biển, công nghệ biển sâu, công nghệ quan trắc biển, hệ thống giám sát biển thông minh và các lĩnh vực công nghệ biển thế hệ mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám, Internet vạn vật trong quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý không gian và bảo vệ môi trường biển.

- Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng. Phát triển một số tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển, đại dương và khai thác biển sâu hiện đại, dẫn đầu trong khu vực ASEAN.

- Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao, bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp. Tăng cường đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ quản lý nhà nước có chuyên môn sâu về biển. Thu hút, trọng dụng, kết nối và phát huy hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế phục vụ phát triển quốc gia biển mạnh.

- Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo ngành, nghề biển; lựa chọn phát triển một số ngành, lĩnh vực biển trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về đại dương học, khoa học, kỹ thuật, công nghệ biển và quản trị biển hiện đại.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới

- Phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh và phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý.

- Thúc đẩy phát triển các tổ hợp công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng.

- Phát triển ngành dầu khí và khai thác tài nguyên khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác bằng công nghệ tiên tiến; phát triển công nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí và công trình biển theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo, thi công các công trình ngoài khơi, làm chủ công nghệ và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với các dự án vùng nước sâu, xa bờ, điều kiện phức tạp và mỏ cận biên; đa dạng hoá nguồn cung, tăng cường dự trữ chiến lược, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

- Phát triển kinh tế hàng hải trở thành trụ cột quan trọng của kinh tế biển, tạo tiền đề để Việt Nam vươn lên trở thành cường quốc hàng hải. Rà soát, điều

chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thiện hệ thống cảng biển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, phát triển và khai thác hiệu quả các cảng cửa ngõ và trung tâm trung chuyển quốc tế, công trình lưỡng dụng dùng chung, gắn kết đồng bộ với hệ thống hạ tầng.

- Đầu tư hạ tầng điện ven biển, tiếp nhận nhiên liệu sạch. Phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại, tăng nhanh thị phần vận chuyển quốc tế. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics hàng hải, kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa và hàng không. Phát triển công nghiệp đóng tàu theo tư duy hệ sinh thái, đồng bộ với đội tàu biển, phương tiện thuỷ nội địa, hệ thống cảng, logistics, công nghiệp phụ trợ và dịch vụ.

- Cơ cấu lại ngành thuỷ sản theo hướng hiện đại, bền vững, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với các vùng sinh thái. Tăng cường bảo tồn, phát triển nguồn gen, tự chủ sản xuất giống thuỷ sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản và chế biến thuỷ sản. Nghiên cứu, phát triển mô hình tàu nuôi trồng thuỷ sản thông minh, lồng nuôi thông minh tích hợp hệ thống năng lượng tái tạo và công nghệ số.

- Ưu tiên tín dụng ưu đãi cho nuôi biển xa bờ, nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao; phát triển hệ thống bảo hiểm thuỷ sản.

- Hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm; khuyến khích phát triển nghề cá giải trí.

- Phát triển mạnh năng lượng tái tạo và các ngành, lĩnh vực biển mới. Hoàn thiện quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời trên biển và các loại hình năng lượng khác. Từng bước làm chủ công nghệ khảo sát, thiết kế, thi công và vận hành các dự án năng lượng ngoài khơi. Xây dựng cơ chế khuyến khích gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ đối với các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các dự án năng lượng tái tạo biển quy mô lớn tại Việt Nam.

- Phát triển du lịch và dịch vụ biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và có sức cạnh tranh quốc tế, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá biển.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới như nuôi biển công nghệ cao, y - dược biển, công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, điện sóng, hiđrôgien, amôniắc xanh…

- Hình thành chuỗi ngành công nghiệp từ sản xuất đến cung ứng dịch vụ hạ tầng cáp ngầm biển cao tốc và siêu tốc, xây dựng các trung tâm dữ liệu ven biển, dưới biển.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển quốc gia, hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực

- Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối, đặc biệt với hạ tầng giao thông; mở rộng không gian phát triển ra biển xa, biển sâu và các không gian biển mới.

- Ưu tiên phát triển các công trình hạ tầng chiến lược, lưỡng dụng, số, năng lượng và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển. Hình thành mạng lưới logistics biển hiện đại, có khả năng kết nối hiệu quả với khu vực và quốc tế.

- Phát triển công nghiệp ven biển, hình thành các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics, năng lượng và đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế của từng vùng, miền.

- Phát triển các khu kinh tế ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng, gắn kết chặt chẽ với các trung tâm kinh tế và hành lang kinh tế biển. Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội, môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi, có năng lực cạnh tranh quốc tế cao để phát triển các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do và các cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển.

- Phát triển hệ thống đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, gắn với tổ chức lại không gian phát triển vùng ven biển và mạng lưới đô thị quốc gia. Ưu tiên đầu tư phát triển, kiên cố hoá các công trình văn hoá, xã hội tại các đảo, vùng ven biển.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó chú trọng khai thác, phát triển bền vững các vùng đất ven biển và vùng biển ven bờ.

- Chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đảo và vùng ven biển. Phục hồi nguồn lợi thuỷ sản; mở rộng, quản lý hiệu quả hệ thống khu bảo tồn biển, các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao; bảo vệ, phục hồi và phát huy giá trị của các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều, đầm phá và các vùng sinh thái đặc thù.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Kiểm soát chặt chẽ, chủ động xử lý nguy cơ gây ô nhiễm từ các hoạt động, các nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và trên biển; đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển gắn với tuyến đường bộ ven biển, công trình phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn; phục hồi và phát triển các vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió, rừng phòng hộ ven biển; phòng, chống xói lở, bảo vệ đường bờ biển, địa hình tự nhiên, cảnh quan và không gian ven biển.

- Nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn và các rủi ro sinh thái. Rà soát, đánh giá toàn diện nguy cơ và thiết lập kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các khu đô thị, hạ tầng ven biển, công trình cũ.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trong bảo vệ, phục hồi, quản lý và phát huy giá trị bền vững của các khu bảo tồn biển, vườn quốc gia và các hệ sinh thái biển.

8. Xây dựng văn hoá biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, di sản biển, đảo gắn với xây dựng bản sắc văn hoá biển Việt Nam. Xây dựng các công viên biển, quảng trường biển, vườn sinh thái biển. Hình thành văn hoá ứng xử hài hoà với biển, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong phát triển không gian biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Củng cố thế trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu đối với vùng ven biển và hải đảo. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng biển, đảo, bảo đảm khả năng tiếp cận ngày càng tốt hơn cơ hội phát triển và các dịch vụ xã hội thiết yếu, nhất là y tế, giáo dục.

- Thu hút người dân ra sinh sống, bố trí ổn định dân cư trên các đảo có đủ điều kiện; hỗ trợ ngư dân và cư dân vùng biển, hải đảo phát triển sinh kế bền vững; thúc đẩy chuyển đổi nghề, hỗ trợ việc làm.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia

- Xây dựng quy hoạch, chiến lược, chương trình phát triển đất nước đều phải phục vụ yêu cầu bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại.

- Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển vững chắc, gắn chặt với thế trận lòng dân ở các địa phương ven biển, hải đảo.

- Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn, có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại.

- Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, công tác đối ngoại và thông tin đối ngoại về biển, đảo. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện và thúc đẩy thực thi các thể chế, quy tắc, chuẩn mực pháp lý quốc tế; tham gia có trách nhiệm, hiệu quả vào giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác, quản trị, khai thác và bảo vệ các vùng biển quốc tế và đại dương.

- Kiên trì thúc đẩy giải quyết các vấn đề phát sinh trên biển và phân định các vùng biển bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; thực hiện đầy đủ, hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); sớm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu lực, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học biển, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các ngành kinh tế biển, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ biển.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực hội nhập quốc tế; tăng cường cử cán bộ, chuyên gia tham gia các tổ chức, cơ chế, diễn đàn và thiết chế quốc tế về biển và đại dương.

Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Nghị quyết được cụ thể hoá tại Phụ lục 1; các nhiệm vụ chủ yếu được cụ thể hoá tại Phụ lục 2 của Chương trình hành động.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết.

2. Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan trực thuộc; Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo nghiên cứu, triển khai, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, các nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

5. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

6. Bộ Chính trị quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Cẩm Tú

Nơi nhận:
- Các cơ quan, ban đảng Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

Phụ lục 1

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM TRỞ THÀNH QUỐC GIA BIỂN MẠNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cấp uỷ chủ trì
1	Tổng GRDP của các tỉnh/, thành phố ven biển đóng góp vào GDP cả nước	Trên 70%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của các địa phương ven biển	Phấn đấu trên 11%/năm	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
3	Thu nhập bình quân đầu người các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn bình quân cả nước	1,2 - 1,3 lần	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính và các tỉnh uỷ/thành uỷ ven biển)
4	Phát triển các dự án điện gió ngoài khơi công suất	6 - 10 GW	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Công Thương)
5	Thị phần vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu do đội tàu biển Việt Nam đảm nhận	20%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Xây dựng)
6	Hình thành các trung tâm logistics hiện đại ngang tầm quốc tế	5 - 6 trung tâm	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Xây dựng, Công Thương)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cấp uỷ chủ trì
7	Chi phí logistics	Dưới 12% GDP	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Tài chính, Công Thương)
8	Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân	14%/năm	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)
9	Giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân	8%/năm	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
10	Tỉ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thuỷ sản	15%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
11	Hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh	5 - 6 trung tâm	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)
12	Hình thành các khu kinh tế đặc biệt	3	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)
13	Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch	100% toàn tuyến	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Xây dựng)
14	Các đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ	100%	Quân uỷ Trung ương, các tỉnh uỷ/thành uỷ

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cấp uỷ chủ trì
15	Hình thành các tổ chức nghiên cứu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo biển dẫn đầu trong khu vực ASEAN	2 - 3	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo); Đảng uỷ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
16	Có tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng	1 - 2 tàu	Quân uỷ Trung ương
17	Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển	100%	Đảng uỷ Công an Trung ương
18	Tỉ lệ số hoá, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển trong hệ thống quản lý nhà nước	100%	Đảng uỷ Công an Trung ương
19	Hình thành chuỗi công nghiệp và dịch vụ đồng bộ từ sản xuất, thiết kế, thi công, lắp đặt đến vận hành, bảo trì hạ tầng cáp ngầm biển dung lượng lớn, tốc độ cao và siêu tốc; phát triển các trung tâm dữ liệu nhằm khai thác hiệu quả tuyến cáp biển	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ)
20	Phân vùng chức năng không gian biển cho từng ngành kinh tế biển và các địa phương có biển	Hoàn thành 100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng)
21	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	Tối thiểu 6%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
22	Tỉ lệ các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Xây dựng, Tài chính, các tỉnh uỷ/thành uỷ)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cấp uỷ chủ trì
23	Tỉ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
24	Các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Xây dựng, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
25	Các di sản văn hoá biển được số hoá	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
26	Chỉ số phát triển con người (HDI) các tỉnh ven biển	Cao hơn trung bình cả nước	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
27	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển	Trên 45%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
28	Tỉ lệ cư dân vùng biển, hải đảo được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục	100%	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính, các tỉnh uỷ/thành uỷ)
29	Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển		Quân uỷ Trung ương; Đảng uỷ Công an Trung ương

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cấp uỷ chủ trì
30	Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển, củng cố hệ thống an ninh không gian tầm thấp, an ninh biển xa, an ninh biển sâu		Đảng uỷ Công an Trung ương; Quân uỷ Trung ương
31	Công trình, dự án trọng điểm về cảng biển, năng lượng ngoài khơi, hạ tầng số biển và các công trình kinh tế biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn	100%	Đảng uỷ Công an Trung ương; Quân uỷ Trung ương
32	Xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống tại các địa phương ven biển, các đảo	100%	Quân uỷ Trung ương; Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh uỷ/thành uỷ ven biển)

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh)

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
I	**Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia**				
1.	Tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển, đảo; xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026	Ngân sách
2.	Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, nhất là cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng, thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các tổ chức thành viên	2026 - 2030	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
II	**Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh**				
3.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan	Đảng uỷ Quốc hội	Đảng uỷ Chính phủ, đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2028	Ngân sách
4.	Sửa đổi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Đảng uỷ Quốc hội	Đảng uỷ Chính phủ	2026	Ngân sách
5.	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng uỷ Quốc hội	Đảng uỷ Chính phủ; đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2027	Ngân sách
6.	Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)	Quân uỷ Trung ương; đảng uỷ Công an Trung ương, các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
III	**Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn**				
7.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế biển	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
8.	Đề án thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia, tham gia sâu vào chuỗi giá trị đại dương toàn cầu	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026	Ngân sách
9.	Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên biển, ven biển	Quân uỷ Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
10.	Huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển và thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển	Quân uỷ Trung ương; Đảng uỷ Công an Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
IV	**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao**				
11.	Phát triển một số tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển, đại dương và khai thác biển sâu hiện đại dẫn đầu khu vực ASEAN	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo)	Đảng uỷ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
12.	Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống viện, trường, cơ sở nghiên cứu hải dương học, cơ sở đào tạo nhân lực về biển, đại dương; xác định nhu cầu, mục tiêu và lộ trình phát triển đến năm 2045, đáp ứng yêu cầu làm chủ khoa học, công nghệ và quản trị biển hiện đại	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2027	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
13.	Đầu tư hạ tầng nghiên cứu, tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng, hoạt động xa bờ, dài ngày và trang thiết bị ngầm phục vụ điều tra cơ bản, nghiên cứu biển sâu và đại dương	Quân uỷ Trung ương	Đảng uỷ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2026 - 2030	Ngân sách
14.	Xây dựng, hoàn thiện, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu biển quốc gia, bản đồ số biển và đại dương; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị biển, công nghệ biển sâu, công nghệ quan trắc biển, hệ thống giám sát biển thông minh và các lĩnh vực công nghệ biển thế hệ mới	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ; Đảng uỷ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2026 - 2027	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
15.	Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2026 - 2030	Ngân sách
16.	Đề án đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phục vụ phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
V	**Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới**				
17.	Phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại, chú trọng phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
18.	Đề án phát triển các tổ hợp công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng	Quân uỷ Trung ương; Đảng uỷ Công an Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
19.	Đề án phát triển du lịch và dịch vụ biển; hình thành các trung tâm, cụm du lịch biển quy mô lớn	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
20.	Phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại và dịch vụ logistics hàng hải	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Công Thương, Tài chính)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
21.	Phát triển ngành dầu khí, công nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí và khai thác tài nguyên, khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Công Thương)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
22.	Rà soát, bổ sung và thực hiện hiệu quả Chiến lược thuỷ sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
23.	Phát triển năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời trên biển và chuyển đổi năng lượng tại các vùng ven biển	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Tài chính, Công Thương)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
24.	Phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới (nuôi biển công nghệ cao, y - dược biển, công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, điện sóng, hiđrôgien, amôniắc xanh…)	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
25.	Phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ hạ tầng cáp ngầm biển cao tốc và siêu tốc, xây dựng các trung tâm dữ liệu ven biển, dưới biển	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Công Thương, Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
VI	**Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển quốc gia, hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực**				
26.	Phát triển kết cấu hạ tầng biển; mở rộng không gian phát triển quốc gia	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Xây dựng, Công Thương)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
27.	Hình thành mạng lưới logistics biển hiện đại, có khả năng kết nối hiệu quả với khu vực và quốc tế	Đảng uỷ Chính phủ	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
28.	Tập trung phát triển các khu đô thị, khu kinh tế, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Tài chính)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
VII	**Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo**				
29.	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó chú trọng khai thác, phát triển bền vững các vùng đất ven biển và vùng biển ven bờ	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
30.	Bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đảo và vùng ven biển, gắn với cải thiện sinh kế bền vững cho người dân và phát triển kinh tế biển xanh	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
31.	Nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
VIII	**Xây dựng văn hoá biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**				
32.	Đề án phát triển toàn diện văn hoá biển Việt Nam trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia biển. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, di sản biển, đảo gắn với xây dựng bản sắc văn hoá biển Việt Nam	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
33.	Củng cố thế trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển	Quân uỷ Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
34.	Đề án nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội người dân vùng biển, đảo	Các tỉnh uỷ/thành uỷ	Đảng uỷ các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
IX	**Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia**				
35.	Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên biển. Chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh toàn diện không gian biển, giữ vững trật tự, an toàn xã hội cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Ngoại giao)	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách
36.	Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển vững chắc, gắn chặt với thế trận lòng dân ở các địa phương ven biển, hải đảo. Có chính sách thu hút nguồn lực để nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia tham mưu chiến lược về biển, đảo, đại dương	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
37.	Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn, có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với dân sinh, giữa lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật với ngư dân với phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
38.	Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
39.	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo an ninh, an toàn trên biển, bảo vệ hiệu quả các công trình trọng yếu. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố; bảo đảm an ninh hàng hải. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại; hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển của Tổ quốc	Quân uỷ Trung ương	Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách
40.	Mở rộng quan hệ, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về biển và đại dương	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Ngoại giao)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
X	**Tổ chức thực hiện**				
41.	Kiện toàn cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý, điều phối các hoạt động trên biển	Đảng uỷ Chính phủ (Bộ Nội vụ)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
42.	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá phát triển quốc gia biển mạnh làm căn cứ đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ, chính quyền và người đứng đầu các cấp	Đảng uỷ Chính phủ (Đảng uỷ Bộ Tài chính)	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
43.	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm	Đảng uỷ Chính phủ	Đảng uỷ các bộ, ngành và các tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
44.	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh	Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	Đảng uỷ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách
45.	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; Văn phòng Trung ương Đảng	Đảng uỷ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, tỉnh uỷ/thành uỷ	2026 - 2030	Ngân sách